

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 6 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Danh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn - không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T - sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh A - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh A thông qua mai mối, tìm hiểu nhau được 06 tháng thì tổ chức đám cưới vào ngày 29/8/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Do công việc bận rộn nên cả hai không có thời gian đi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do mai mối nên chị T không có tình cảm với anh A. Chị T cố gắng chung sống với anh A đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình không phù hợp, không thống nhất ý kiến, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, chị T cảm thấy không được thoải mái mặc dù chồng và gia đình chồng rất thương chị T. Tháng 3/2020 chị T về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị T nhận thấy không có tình cảm với anh A, tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, nên chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh A.

- Về nuôi con chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị T và anh A tự thỏa thuận. Chị T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

### ***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh A trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh A thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đám cưới, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng chung sống mà không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bản thân anh A vẫn còn thương chị T, nhưng chị T nhiều lần đòi ly hôn anh A, anh A đã nhiều lần năn nỉ chị T, vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị T không đồng ý. Nay anh A nhận thấy tiếp tục chung sống như vậy cũng không có hạnh phúc nên anh A đồng ý ly hôn chị T.

- Về nuôi con chung: Anh A xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Anh A và chị T tự thỏa thuận. Anh A xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh A xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

### ***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn A.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh A.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh Lê Văn A chung sống như vợ chồng từ năm 2018, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 đến nay, chị T và anh A phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị T và anh A đã

không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau làm cho cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định là do hôn nhân mai mối nên từ khi đám cưới đến nay, chị T không có tình cảm với anh A; chị T không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh A và có yêu cầu được ly hôn anh A. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị T cũng không trở về chung sống với anh A.

Về phía anh A, mặc dù vẫn còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống như vợ chồng, giữa anh và chị không thống nhất được ý kiến, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, do đó anh A đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị T yêu cầu được ly hôn anh A là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng do chị T và anh A không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh A là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị T và anh A cùng xác định là tự thỏa thuận, không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh A cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

**[4]** Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên Xử:**

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh A.

**2.** Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

**3.** Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 12/5/2020 theo biên lai thu số 0000961 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**Trần Quốc Danh**